

TRƯỜNG CAO ĐẲNG VINH PHÚC

SỔ ĐIỂM BỘ MÔN

LỚP: K16 - GIÁO DỤC TIỂU HỌC B

KÌ: I...KHÓA HỌC 2012 - 2015

HỌ VÀ TÊN GIẢNG VIÊN:

Hồ Thị Hà Ly

HỌC PHẦN:

GDTC 1

HÌNH THỨC THI, KIỂM TRA:

Thực hành

TT	SBD	HỌ VÀ TÊN		ĐIỂM BỘ PHẬN							ĐTHP		GHI CHÚ
				Đ CC	ĐIỂM KTTX						L1	L2	
					A1	A2	A3	A4	A5	A6			
1	K16 - 449	Hà Thị	An	9	6						8		
2	K16 - 450	Đỗ Thị	Đào	9	5						7		
3	K16 - 451	Lê Thị	Dự	7	10						9		
4	K16 - 452	Hạ Thị Thanh	Dung	9	5						7		
5	K16 - 453	Đỗ Thị Thu	Hà	9	5						7		
6	K16 - 454	Lưu Văn	Hải	9	5						7		
7	K16 - 455	Hà Thị Thu	Hằng	9	7						8		
8	K16 - 456	Nguyễn Thị	Hạnh	9	5						7		
9	K16 - 457	Nguyễn Thị	Hào	9	7						8		
10	K16 - 458	Nguyễn Thị	Hậu	9	5						7		
11	K16 - 459	Phan Thị Thu	Hiên	9	7						8		
12	K16 - 460	Dương Thị Thanh	Hoa	9	9						9		
13	K16 - 461	Nguyễn Thiều Yên	Hoa	9	8						9		
14	K16 - 462	Phạm Thị	Huệ	7	5						6		
15	K16 - 463	Nguyễn Thị	Hương	7	10						9		
16	K16 - 464	Vũ Thị	Hường	9	6						8		
17	K16 - 465	Hoàng Thị Ngọc	Huyền	9	6						8		
18	K16 - 466	Nguyễn Thu	Huyền	9	7						8		
19	K16 - 467	Phan Thị	Huyền	9	7						8		
20	K16 - 468	Nguyễn Thị Mai	Liên	9	5						7		
21	K16 - 469	Nguyễn Thị	Liên	9	5						7		
22	K16 - 470	Nguyễn Thị	Loan	7	6						7		
23	K16 - 471	Nguyễn Thị	Luyến	9	5						7		
24	K16 - 472	Nguyễn Văn	Nam	8	6						7		
25	K16 - 473	Nguyễn Thị Thanh	Nga	9	6						8		
26	K16 - 474	Nguyễn Thị	Ngọc	8	5						7		10/06/1994
27	K16 - 475	Nguyễn Thị	Ngọc	8	6						7		19/08/1994
28	K16 - 476	Bùi Thị Ánh	Nguyệt	9	8						9		
29	K16 - 477	Trương Thị	Nguyệt	9	6						8		
30	K16 - 478	Nguyễn Thị	Nhung	9	5						7		
31	K16 - 479	Vũ Thị Hồng	Nhung	8	5						7		
32	K16 - 480	Nguyễn Thị	Phương	9	8						9		09/01/1994
33	K16 - 481	Nguyễn Thị	Phương	9	5						7		03/11/1994
34	K16 - 482	Lưu Thị Hồng	Phương	9	6						8		
35	K16 - 483	Nguyễn Thu	Phương	9	7						8		
36	K16 - 484	Trần Thị	Phương	8	10						9		
37	K16 - 485	Trương Thị	Phượng	9	10						10		
38	K16 - 486	Vũ Thị Xuân	Quỳnh	7	10						9		
39	K16 - 487	Đặng Thị	Quỳnh	8	5						7		
40	K16 - 488	Phạm Thị	Quỳnh	8	6						7		

TT	SBD	HỌ VÀ TÊN		ĐIỂM BỘ PHẬN							ĐTHP		GHI CHÚ	
				Đ CC	ĐIỂM KTTX						L1	L2		
					A1	A2	A3	A4	A5	A6				
41	K16 - 489	Hoàng Thị	Sáng	7	6						7			
42	K16 - 490	Ôn Thị	Thanh	8	7						8			
43	K16 - 491	Lê Thị	Thành	9	6						8			
44	K16 - 492	Nguyễn Thị	Thịnh	9	5						7			
45	K16 - 493	Trần Thị	Thoa	9	5						7			
46	K16 - 494	Bùi Thị	Thu	8	8						8			
47	K16 - 495	Đặng Thị	Thùy	9	6						8			
48	K16 - 496	Trần Thị	Thùy	9	7						8			
49	K16 - 497	Đỗ Thị Huyền	Trang	9	9						9			
50	K16 - 498	Nguyễn Thị Kiều	Trang	9	5						7			
51	K16 - 499	Nguyễn Thị Hà	Trang	9	8						9			
52	K16 - 500	Đào Thị	Tươi	8	7						8			
53	K16 - 501	Trần Thị	Vàng	9	5						7			
54	K16 - 502	Nguyễn Thị	Vân	9	7						8			
55	K16 - 503	Ngô Thị	Yên	9	8						9			
56	K16 - 504	Ngô Thị	Thu	RÚT HỒ SƠ										

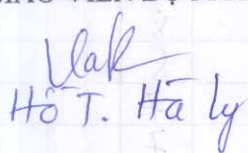
Ấn định danh sách lớp có: 55 sinh viên đang theo học.

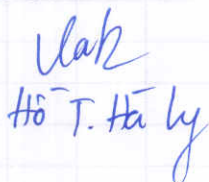
Số sinh viên được dự thi:.....55..... Số sinh viên không được dự thi:.....0.....

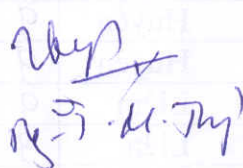
Số lỗi sửa chữa ĐBP:0..... Số lỗi sửa chữa ĐTHP, ĐHP.....0.....

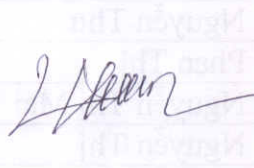
Ngày 23 tháng 4 năm 2013

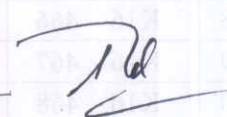
GIÁO VIÊN BỘ MÔN CB CHẤM THI 1 CB CHẤM THI 2 CB KIỂM TRA TP KHẢO THÍ & KĐCL


Hồ T. Hà ly


Hồ T. Hà ly


Nguyễn Thị


Nguyễn Thị


TP Khảo thí & KĐCL

SỔ ĐIỂM BỘ MÔN

LỚP: K16 - GIÁO DỤC TIỂU HỌC B

KÌ: ... KHÓA HỌC 2012 - 2015

HỌ VÀ TÊN GIẢNG VIÊN: Lê Thị Thanh Thảo

HỌC PHẦN: Giáo dục đại cương HÌNH THỨC THI, KIỂM TRA: Viết

TT	SBD	HỌ VÀ TÊN		ĐIỂM BỘ PHẬN			ĐTHP		ĐHP		GHI CHÚ	
				Đ CC	Đ. KTTX		Đ BP	L1	L2	L1		L2
					A1	A2						
1	K16 - 449	Hà Thị	An	9	8		9	5		6		
2	K16 - 450	Đỗ Thị	Đào	9	7		8	4		5		
3	K16 - 451	Lê Thị	Dự	9	9		9	6		7		
4	K16 - 452	Hạ Thị Thanh	Dung	9	8		9	7		8		
5	K16 - 453	Đỗ Thị Thu	Hà	9	8		9	7		8		
6	K16 - 454	Lưu Văn	Hải	9	8		9	2	5	4	6	
7	K16 - 455	Hà Thị Thu	Hằng	9	8		9	1	6	4	7	
8	K16 - 456	Nguyễn Thị	Hạnh	9	5		7	2	7	4	7	
9	K16 - 457	Nguyễn Thị	Hào	9	7		8	6		7		
10	K16 - 458	Nguyễn Thị	Hậu	9	5		7	5		6		
11	K16 - 459	Phan Thị Thu	Hiền	9	8		9	5		6		
12	K16 - 460	Dương Thị Thanh	Hoa	9	8		9	8		8		
13	K16 - 461	Nguyễn Thiệu Yên	Hoa	9	7		8	6		7		
14	K16 - 462	Phạm Thị	Huệ	9	7		8	1	6	3	7	
15	K16 - 463	Nguyễn Thị	Hương	9	8		9	6		7		
16	K16 - 464	Vũ Thị	Hường	9	8		9	2	6	4	7	
17	K16 - 465	Hoàng Thị Ngọc	Huyền	9	8		9	5		6		
18	K16 - 466	Nguyễn Thu	Huyền	9	8		9	2	5	4	6	
19	K16 - 467	Phan Thị	Huyền	9	9		9	3		5		
20	K16 - 468	Nguyễn Thị Mai	Liêm	9	9		9	2	7	4	8	
21	K16 - 469	Nguyễn Thị	Liên	9	6		8	3		5		
22	K16 - 470	Nguyễn Thị	Loan	9	6		8	3		5		
23	K16 - 471	Nguyễn Thị	Luyến	9	6		8	4		5		
24	K16 - 472	Nguyễn Văn	Nam	9	9		9	4		6		
25	K16 - 473	Nguyễn Thị Thanh	Nga	9	9		9	3		5		
26	K16 - 474	Nguyễn Thị	Ngọc	9	8		9	3		5		10/06/1994
27	K16 - 475	Nguyễn Thị	Ngọc	9	8		9	3		5		19/08/1994
28	K16 - 476	Bùi Thị Ánh	Nguyệt	9	7		8	4		5		
29	K16 - 477	Trương Thị	Nguyệt	9	6		8	3		5		
30	K16 - 478	Nguyễn Thị	Nhung	9	8		9	2	4	4	6	
31	K16 - 479	Vũ Thị Hồng	Nhung	9	7		8	3		5		
32	K16 - 480	Nguyễn Thị	Phương	9	8		9	6		7		09/01/1994
33	K16 - 481	Nguyễn Thị	Phương	9	9		9	3		5		03/11/1994
34	K16 - 482	Lưu Thị Hồng	Phương	9	8		9	6		7		
35	K16 - 483	Nguyễn Thu	Phương	9	7		8	6		7		
36	K16 - 484	Trần Thị	Phương	9	8		9	6		7		
37	K16 - 485	Trương Thị	Phượng	9	9		9	2	8	4	8	
38	K16 - 486	Vũ Thị Xuân	Quỳnh	9	7		8	5		6		
39	K16 - 487	Đặng Thị	Quỳnh	9	7		8	7		7		

TT	SBD	HỌ VÀ TÊN		ĐIỂM BỘ PHẬN			ĐTHP		ĐHP		GHI CHÚ	
				Đ CC	Đ. KTTX		Đ BP	L1	L2	L1		L2
					A1	A2						
40	K16 - 488	Phạm Thị	Quỳnh	9	5		7	4		5		
41	K16 - 489	Hoàng Thị	Sáng	9	9		9	4		6		
42	K16 - 490	Ôn Thị	Thanh	9	7		8	2	7	4	7	
43	K16 - 491	Lê Thị	Thành	9	8		9	3	7	5		
44	K16 - 492	Nguyễn Thị	Thịnh	9	9		9	5		6		
45	K16 - 493	Trần Thị	Thoa	9	7		8	4		5		
46	K16 - 494	Bùi Thị	Thu	9	8		9	2	7	4	8	
47	K16 - 495	Đặng Thị	Thuỳ	9	9		9	7		8		
48	K16 - 496	Trần Thị	Thủy	9	8		9	3		5		
49	K16 - 497	Đỗ Thị Huyền	Trang	9	5		7	1	46	3	6	
50	K16 - 498	Nguyễn Thị Kiều	Trang	9	8		9	0	4	3	6	
51	K16 - 499	Nguyễn Thị Hà	Trang	9	8		9	1	7	3	8	
52	K16 - 500	Đào Thị	Tươi	9	8		9	1	8	3	8	
53	K16 - 501	Trần Thị	Vàng	9	5		7	6		6		
54	K16 - 502	Nguyễn Thị	Vân	9	8		9	6		7		
55	K16 - 503	Ngô Thị	Yến	9	8		9	4		6		
56	K16 - 504	Ngô Thị	Thu	RÚT HỒ SƠ								

RÚT HỒ SƠ

Ấn định danh sách lớp có: 55 sinh viên đang theo học.

Số sinh viên được dự thi:.....55/55.....Số sinh viên không được dự thi:.....không.....

Số lỗi sửa chữa ĐBP:không.....Số lỗi sửa chữa ĐTHP, ĐHP.....(a. lần 2: 01 (SBD 497))

Ngày 26 tháng 2 năm 2013

GIÁO VIÊN BỘ MÔN

CB CHẤM THI 1

CB CHẤM THI 2

CB KIỂM TRA

TP KHẢO THÍ & KĐCL

Lê Thị Thanh Thảo

Lê Thị Thanh Thảo

Ng. T. Hiền

23/14

Chấm thi lần 2: Lê Thị Thanh Thảo

Lê Thị Thanh Thảo

Nguyễn Thị Hiền

23/14

SỔ ĐIỂM BỘ MÔN

LỚP: K16 - GIÁO DỤC TIỂU HỌC B

Kì: I... KHÓA HỌC 2012 - 2015HỌ VÀ TÊN GIẢNG VIÊN: Đỗ Thị Bích PhượngHỌC PHẦN: Tiếng ViệtHÌNH THỨC THI, KIỂM TRA: Thi viết

TT	SBD	HỌ VÀ TÊN		ĐIỂM BỘ PHẬN				ĐTHP		ĐHP		GHI CHÚ
				Đ CC	Đ. KTTX		Đ BP	L1	L2	L1	L2	
					A1	A2						
1	K16 - 449	Hà Thị	An	9	8	7	8	7		7		
2	K16 - 450	Đỗ Thị	Đào	8	7	8	8	7		7		
3	K16 - 451	Lê Thị	Dự	9	8	7	8	8		8		
4	K16 - 452	Hạ Thị Thanh	Dung	9	8	7	8	8		8		
5	K16 - 453	Đỗ Thị Thu	Hà	9	8	8	8	6		7		
6	K16 - 454	Lưu Văn	Hải	9	8	7	8	1	4	3	5	
7	K16 - 455	Hà Thị Thu	Hằng	9	8	8	8	7		7		
8	K16 - 456	Nguyễn Thị	Hạnh	9	8	7	8	6		7		
9	K16 - 457	Nguyễn Thị	Hảo	8	7	6	7	7		7		
10	K16 - 458	Nguyễn Thị	Hậu	9	8	6	8	6		7		
11	K16 - 459	Phan Thị Thu	Hiền	8	7	7	7	9		8		
12	K16 - 460	Dương Thị Thanh	Hoa	9	8	7	8	8		8		
13	K16 - 461	Nguyễn Thiều Yên	Hoa	9	8	7	8	6		7		
14	K16 - 462	Phạm Thị	Huệ	8	8	7	8	7		7		
15	K16 - 463	Nguyễn Thị	Hương	8	8	7	8	8		8		
16	K16 - 464	Vũ Thị	Hường	9	8	7	8	7		7		
17	K16 - 465	Hoàng Thị Ngọc	Huyền	9	8	7	8	8		8		
18	K16 - 466	Nguyễn Thu	Huyền	9	8	7	8	4		5		
19	K16 - 467	Phan Thị	Huyền	10	8	8	9	8		8		
20	K16 - 468	Nguyễn Thị Mai	Liên	9	8	8	8	5		6		
21	K16 - 469	Nguyễn Thị	Liên	9	8	7	8	5		6		
22	K16 - 470	Nguyễn Thị	Loan	9	7	7	8	5		6		
23	K16 - 471	Nguyễn Thị	Luyến	9	8	7	8	7		7		
24	K16 - 472	Nguyễn Văn	Nam	9	7	8	8	7		7		
25	K16 - 473	Nguyễn Thị Thanh	Nga	10	9	7	9	7		8		
26	K16 - 474	Nguyễn Thị	Ngọc	10	7	8	8	6		7		10/06/1994
27	K16 - 475	Nguyễn Thị	Ngọc	9	7	7	8	4		5		19/08/1994
28	K16 - 476	Bùi Thị Ánh	Nguyệt	9	8	7	8	8		8		
29	K16 - 477	Trương Thị	Nguyệt	9	7	7	8	7		7		
30	K16 - 478	Nguyễn Thị	Nhung	9	8	6	8	1	4	3	5	
31	K16 - 479	Vũ Thị Hồng	Nhung	9	8	7	8	7		7		
32	K16 - 480	Nguyễn Thị	Phương	9	9	6	8	4		5		09/01/1994
33	K16 - 481	Nguyễn Thị	Phương	9	8	7	8	1	5	3	6	03/11/1994
34	K16 - 482	Lưu Thị Hồng	Phương	9	8	7	8	6		7		
35	K16 - 483	Nguyễn Thu	Phương	9	8	6	8	6		7		
36	K16 - 484	Trần Thị	Phương	9	7	7	8	7		7		
37	K16 - 485	Trương Thị	Phượng	10	8	8	9	9		9		
38	K16 - 486	Vũ Thị Xuân	Quỳnh	10	7	7	8	7		7		
39	K16 - 487	Đặng Thị	Quỳnh	9	9	6	8	7		7		

TT	SBD	HỌ VÀ TÊN		ĐIỂM BỘ PHẬN				ĐTHP		ĐHP		GHI CHÚ
				Đ CC	Đ. KTTX		Đ BP	L1	L2	L1	L2	
					A1	A2						
40	K16 - 488	Phạm Thị	Quỳnh	9	9	6	8	5		6		
41	K16 - 489	Hoàng Thị	Sáng	9	7	8	8	8		8		
42	K16 - 490	Ôn Thị	Thanh	9	9	7	8	7		7		
43	K16 - 491	Lê Thị	Thành	9	7	8	8	6		7		
44	K16 - 492	Nguyễn Thị	Thịnh	10	8	8	9	8		8		
45	K16 - 493	Trần Thị	Thoa	9	7	7	8	7		7		
46	K16 - 494	Bùi Thị	Thu	9	8	7	8	6		7		
47	K16 - 495	Đặng Thị	Thuỳ	10	8	7	8	8		8		
48	K16 - 496	Trần Thị	Thủy	9	7	8	8	6		7		
49	K16 - 497	Đỗ Thị Huyền	Trang	10	8	7	8	6		7		
50	K16 - 498	Nguyễn Thị Kiều	Trang	7	7	7	7	4		5		
51	K16 - 499	Nguyễn Thị Hà	Trang	10	8	8	9	7		8		
52	K16 - 500	Đào Thị	Tươi	9	8	7	8	1	6	3	8 7 4 6 4	
53	K16 - 501	Trần Thị	Vàng	9	8	6	8	6		7		
54	K16 - 502	Nguyễn Thị	Vân	9	8	7	8	6		7		
55	K16 - 503	Ngô Thị	Yên	8	7	8	8	9		9		
56	K16 - 504	Ngô Thị	Thu	RÚT HỒ SƠ								

Ấn định danh sách lớp có: 55 sinh viên đang theo học.

Số sinh viên được dự thi: 5.5 Số sinh viên không được dự thi: 0
Số lỗi sửa chữa ĐBP: 0 Số lỗi sửa chữa ĐTHP, ĐHP: 0

Ngày 1 tháng 2 năm 2013

GIÁO VIÊN BỘ MÔN CB CHẤM THI 1 CB CHẤM THI 2 CB KIỂM TRA TP KHẢO THÍ & KĐCL


Đỗ Thị Bích Phương


Đỗ Thị Bích Phương


Trần Văn Hồng


Trần Văn Hồng


Trần Văn Hồng

052


Đỗ Thị Bích Phương


Trần Văn Hồng


Trần Văn Hồng

SỔ ĐIỂM BỘ MÔN

LỚP: K16 - GIÁO DỤC TIỂU HỌC B

Kì: 1 KHÓA HỌC 2012 - 2015

HỌ VÀ TÊN GIÁNG VIÊN:

Vũ Quỳnh Hoa

HỌC PHẦN:

Tiếng Anh I

HÌNH THỨC THI, KIỂM TRA:

viết

TT	SBD	HỌ VÀ TÊN		ĐIỂM BỘ PHẬN			ĐTHP		ĐHP		GHI CHÚ	
				Đ CC	Đ. KTTX		Đ BP	L1	L2	L1		L2
					A1	A2						
1	K16 - 449	Hà Thị	An	8	8		8	5		6		
2	K16 - 450	Đỗ Thị	Đào	8	8		8	4		5		
3	K16 - 451	Lê Thị	Dự	8	8		8	6		7		
4	K16 - 452	Hạ Thị Thanh	Dung	10	9		10	7		8		
5	K16 - 453	Đỗ Thị Thu	Hà	10	10		10	8		9		
6	K16 - 454	Lưu Văn	Hải	8	8		8	4		5		
7	K16 - 455	Hà Thị Thu	Hằng	8	8		8	4		5		
8	K16 - 456	Nguyễn Thị	Hạnh	7	8		8	4		5		
9	K16 - 457	Nguyễn Thị	Hào	10	8		9	4		6		
10	K16 - 458	Nguyễn Thị	Hậu	8	8		8	6		7		
11	K16 - 459	Phan Thị Thu	Hiền	8	7		8	7		7		
12	K16 - 460	Dương Thị Thanh	Hoa	9	9		9	7		8		
13	K16 - 461	Nguyễn Thiều Yến	Hoa	9	8		9	5		6		
14	K16 - 462	Phạm Thị	Huệ	7	8		8	4		5		
15	K16 - 463	Nguyễn Thị	Hương	9	8		9	6		7		
16	K16 - 464	Vũ Thị	Hường	8	8		8	3		5		
17	K16 - 465	Hoàng Thị Ngọc	Huyền	8	8		8	4		5		
18	K16 - 466	Nguyễn Thu	Huyền	8	8		8	3		5		
19	K16 - 467	Phan Thị	Huyền	10	8		9	4		6		
20	K16 - 468	Nguyễn Thị Mai	Liêm	8	8		8	4		5		
21	K16 - 469	Nguyễn Thị	Liên	7	7		7	3	3	4	4	
22	K16 - 470	Nguyễn Thị	Loan	8	7		8	5		6		
23	K16 - 471	Nguyễn Thị	Luyến	8	8		8	7		7		
24	K16 - 472	Nguyễn Văn	Nam	8	8		8	2	5	4	6	
25	K16 - 473	Nguyễn Thị Thanh	Nga	9	6		8	4		5		
26	K16 - 474	Nguyễn Thị	Ngọc	10	8		9	7		8	10/06/1994	
27	K16 - 475	Nguyễn Thị	Ngọc	8	9		9	3		5	19/08/1994	
28	K16 - 476	Bùi Thị Ánh	Nguyệt	10	9		10	6		7		
29	K16 - 477	Trương Thị	Nguyệt	8	8		8	7		7		
30	K16 - 478	Nguyễn Thị	Nhung	9	8		9	5		6		
31	K16 - 479	Vũ Thị Hồng	Nhung	8	8		8	6		7		
32	K16 - 480	Nguyễn Thị	Phương	8	7		8	7		7	09/01/1994	
33	K16 - 481	Nguyễn Thị	Phương	8	8		8	6		7	03/11/1994	
34	K16 - 482	Lưu Thị Hồng	Phương	9	8		9	6		7		
35	K16 - 483	Nguyễn Thu	Phương	9	8		9	5		6		
36	K16 - 484	Trần Thị	Phương	10	8		9	7		8		
37	K16 - 485	Trương Thị	Phượng	10	8		9	5		6		
38	K16 - 486	Vũ Thị Xuân	Quỳnh	9	8		9	6		7		
39	K16 - 487	Đặng Thị	Quỳnh	10	8		9	6		7		

TT	SBD	HỌ VÀ TÊN		ĐIỂM BỘ PHẬN			ĐTHP		ĐHP		GHI CHÚ	
				Đ CC	Đ. KTTX		Đ BP	L1	L2	L1		L2
					A1	A2						
40	K16 - 488	Phạm Thị	Quỳnh	7	8		8	5		6		
41	K16 - 489	Hoàng Thị	Sáng	7	8		8	5		6		
42	K16 - 490	Ôn Thị	Thanh	8	8		8	6		7		
43	K16 - 491	Lê Thị	Thành	8	8		8	5		6		
44	K16 - 492	Nguyễn Thị	Thịnh	10	8		9	7		8		
45	K16 - 493	Trần Thị	Thoa	10	8		9	7		8		
46	K16 - 494	Bùi Thị	Thu	10	9		10	6		7		
47	K16 - 495	Đặng Thị	Thuỳ	10	9		10	4		6		
48	K16 - 496	Trần Thị	Thủy	9	8		9	5		6		
49	K16 - 497	Đỗ Thị Huyền	Trang	9	7		8	5		6		
50	K16 - 498	Nguyễn Thị Kiều	Trang	8	7		8	5		6		
51	K16 - 499	Nguyễn Thị Hà	Trang	10	9		10	5		7		
52	K16 - 500	Đào Thị	Tươi	9	8		9	6		7		
53	K16 - 501	Trần Thị	Vàng	8	7		8	5		6		
54	K16 - 502	Nguyễn Thị	Vân	10	9		10	6		7		
55	K16 - 503	Ngô Thị	Yên	8	9		9	6		7		
56	K16 - 504	Ngô Thị	Thu	RÚT HỒ SƠ								

Ấn định danh sách lớp có: 55 sinh viên đang theo học.

Số sinh viên được dự thi: 55 Số sinh viên không được dự thi: 01

Số lỗi sửa chữa ĐBP: 0 Số lỗi sửa chữa ĐTHP, ĐHP: 0

Ngày 26 tháng 2 năm 2018

GIÁO VIÊN BỘ MÔN CB CHẤM THI 1 CB CHẤM THI 2 CB KIỂM TRA TP KHẢO THÍ & KĐCL


Vũ Quỳnh Hoa


Vũ Quỳnh Hoa
V. Hoa


Chu Thị Ngọc

Đỗ Thị Cẩm Vân

P. Vân


23/4

2/4



SỔ ĐIỂM BỘ MÔN

LỚP: K16 - GIÁO DỤC TIỂU HỌC B

KÌ: ...I... KHÓA HỌC 2012 - 2015

HỌ VÀ TÊN GIẢNG VIÊN: Lê Thị Thanh Thảo

HỌC PHẦN: Nhập môn để chung vào giải học... HÌNH THỨC THI, KIỂM TRA: Viết

TT	SBD	HỌ VÀ TÊN		ĐIỂM BỘ PHẬN			ĐTHP		ĐHP		GHI CHÚ	
				Đ CC	Đ. KTTX		Đ BP	L1	L2	L1		L2
					A1	A2						
1	K16 - 449	Hà Thị	An	8	6		7	3	4	4	5	
2	K16 - 450	Đỗ Thị	Đào	8	8		8	4		5		
3	K16 - 451	Lê Thị	Dự	8	6		7	7		7		
4	K16 - 452	Hạ Thị Thanh	Dung	8	8		8	8		8		
5	K16 - 453	Đỗ Thị Thu	Hà	8	8		8	7		7		
6	K16 - 454	Lưu Văn	Hải	8	8		8	2	6	4	7	
7	K16 - 455	Hà Thị Thu	Hằng	8	6		7	3	7	4	7	
8	K16 - 456	Nguyễn Thị	Hạnh	8	6		7	2	6	4	6	
9	K16 - 457	Nguyễn Thị	Hảo	8	7		8	6		7		
10	K16 - 458	Nguyễn Thị	Hậu	8	8		8	2	7	4	7	
11	K16 - 459	Phan Thị Thu	Hiền	8	7		8	2	8	4	8	
12	K16 - 460	Dương Thị Thanh	Hoa	8	8		8	7		7		
13	K16 - 461	Nguyễn Thiệu Yên	Hoa	8	7		8	5		6		
14	K16 - 462	Phạm Thị	Huệ	8	9		9	4		6		
15	K16 - 463	Nguyễn Thị	Hương	8	8		8	8		8		
16	K16 - 464	Vũ Thị	Hường	8	8		8	2	7	4	7	
17	K16 - 465	Hoàng Thị Ngọc	Huyền	8	7		8	6		7		
18	K16 - 466	Nguyễn Thu	Huyền	8	9		9	2	7	4	8	
19	K16 - 467	Phan Thị	Huyền	8	9		9	4		6		
20	K16 - 468	Nguyễn Thị Mai	Liêm	8	8		8	6		7		
21	K16 - 469	Nguyễn Thị	Liên	8	8		8	5		6		
22	K16 - 470	Nguyễn Thị	Loan	8	7		8	5		6		
23	K16 - 471	Nguyễn Thị	Luyên	8	9		9	2	4	4	56	
24	K16 - 472	Nguyễn Văn	Nam	8	8		8	4		5		
25	K16 - 473	Nguyễn Thị Thanh	Nga	8	8		8	7		7		
26	K16 - 474	Nguyễn Thị	Ngọc	8	7		8	5		6		10/06/1994
27	K16 - 475	Nguyễn Thị	Ngọc	8	8		8	6		7		19/08/1994
28	K16 - 476	Bùi Thị Ánh	Nguyệt	8	8		8	3		5		
29	K16 - 477	Trương Thị	Nguyệt	8	7		8	4		5		
30	K16 - 478	Nguyễn Thị	Nhung	8	8		8	3		5		
31	K16 - 479	Vũ Thị Hồng	Nhung	8	8		8	3		5		
32	K16 - 480	Nguyễn Thị	Phương	8	8		8	5		6		09/01/1994
33	K16 - 481	Nguyễn Thị	Phương	8	9		9	2	6	4	7	03/11/1994
34	K16 - 482	Lưu Thị Hồng	Phương	8	8		8	6		7		
35	K16 - 483	Nguyễn Thu	Phương	8	8		8	1	6	3	7	
36	K16 - 484	Trần Thị	Phương	8	7		8	9		9		
37	K16 - 485	Trương Thị	Phượng	8	7		8	6		7		
38	K16 - 486	Vũ Thị Xuân	Quỳnh	8	9		9	7		8		
39	K16 - 487	Đặng Thị	Quỳnh	8	9		9	7		8		

TT	SBD	HỌ VÀ TÊN		ĐIỂM BỘ PHẬN			ĐTHP		ĐHP		GHI CHÚ	
				Đ CC	Đ. KTTX		Đ BP	L1	L2	L1		L2
					A1	A2						
40	K16 - 488	Phạm Thị	Quỳnh	8	8		8	6		7		
41	K16 - 489	Hoàng Thị	Sáng	8	8		8	5		6		
42	K16 - 490	Ôn Thị	Thanh	8	8		8	4		5		
43	K16 - 491	Lê Thị	Thành	8	7		8	3		5		
44	K16 - 492	Nguyễn Thị	Thịnh	8	8		8	5		6		
45	K16 - 493	Trần Thị	Thoa	8	8		8	2	7	4	7	
46	K16 - 494	Bùi Thị	Thu	8	7		8	5		6		
47	K16 - 495	Đặng Thị	Thùy	8	7		8	8		8		
48	K16 - 496	Trần Thị	Thủy	8	8		8	4		5		
49	K16 - 497	Đỗ Thị Huyền	Trang	8	7		8	4		5		
50	K16 - 498	Nguyễn Thị Kiều	Trang	8	8		8	3		5		
51	K16 - 499	Nguyễn Thị Hà	Trang	8	8		8	3		5		
52	K16 - 500	Đào Thị	Tươi	8	7		8	6		7		
53	K16 - 501	Trần Thị	Vàng	8	7		8	3		5		
54	K16 - 502	Nguyễn Thị	Vân	8	9		9	4		5		
55	K16 - 503	Ngô Thị	Yến	8	7		8	3		5		
56	K16 - 504	Ngô Thị	Thu	RÚT HỒ SƠ								

Ấn định danh sách lớp có: 55 sinh viên đang theo học.

Số sinh viên được dự thi: 55/55.....Số sinh viên không được dự thi: Không.....

Số lỗi sửa chữa ĐBP: Không.....Số lỗi sửa chữa ĐTHP, ĐHP: 0 (0) SBD 471.....

Ngày 26 tháng 2 năm 2013

GIÁO VIÊN BỘ MÔN

CB CHẤM THI 1

CB CHẤM THI 2

CB KIỂM TRA

TP KHẢO THÍ & KĐCL

Thảo
Lê Thị Thanh Thảo

Thảo
Lê Thị Thanh Thảo

Ng. T. Hân

2/Thảo

Chấm lại lần 2:

Thảo
Lê T. Thanh Thảo

Ng. Thị Hân

2/Thảo

SỔ ĐIỂM BỘ MÔN

LỚP: K16 - GIÁO DỤC TIỂU HỌC B

KÌ: I... KHÓA HỌC 2012 - 2015

HỌ VÀ TÊN GIẢNG VIÊN: Nguyễn Thị Văn Thương

HỌC PHẦN: Nhạc lí HÌNH THỨC THI, KIỂM TRA: Viết

TT	SBD	HỌ VÀ TÊN		ĐIỂM BỘ PHẬN			ĐTHP		ĐHP		GHI CHÚ	
				Đ CC	Đ. KTTX		Đ BP	L1	L2	L1		L2
					A1	A2						
1	K16 - 449	Hà Thị	An	9	9		9	6		7		
2	K16 - 450	Đỗ Thị	Đào	9	9		9	10		10		
3	K16 - 451	Lê Thị	Dự	9	9		9	9		9		
4	K16 - 452	Hạ Thị Thanh	Dung	10	10		10	9		9		
5	K16 - 453	Đỗ Thị Thu	Hà	8	9		9	10		10		
6	K16 - 454	Lưu Văn	Hải	8	9		9	9		9		
7	K16 - 455	Hà Thị Thu	Hằng	8	9		9	7		8		
8	K16 - 456	Nguyễn Thị	Hạnh	9	9		9	10		10		
9	K16 - 457	Nguyễn Thị	Hào	9	9		9	5		6		
10	K16 - 458	Nguyễn Thị	Hậu	9	9		9	10		10		
11	K16 - 459	Phan Thị Thu	Hiền	9	10		10	10		10		
12	K16 - 460	Dương Thị Thanh	Hoa	10	10		10	9		9		
13	K16 - 461	Nguyễn Thiệu Yên	Hoa	10	10		10	0	9	3	9	
14	K16 - 462	Phạm Thị	Huệ	8	8		8	9		9	VP&CL	
15	K16 - 463	Nguyễn Thị	Hương	9	8		9	10		10		
16	K16 - 464	Vũ Thị	Hường	9	8		9	10		10		
17	K16 - 465	Hoàng Thị Ngọc	Huyền	9	9		9	10		10		
18	K16 - 466	Nguyễn Thu	Huyền	9	9		9	10		10		
19	K16 - 467	Phan Thị	Huyền	9	9		9	8		8		
20	K16 - 468	Nguyễn Thị Mai	Liêm	9	8		9	10		10		
21	K16 - 469	Nguyễn Thị	Liên	9	9		9	5		6		
22	K16 - 470	Nguyễn Thị	Loan	9	9		9	10		10		
23	K16 - 471	Nguyễn Thị	Luyến	9	9		9	10		10		
24	K16 - 472	Nguyễn Văn	Nam	8	8		8	9		9		
25	K16 - 473	Nguyễn Thị Thanh	Nga	8	5		7	9		8		
26	K16 - 474	Nguyễn Thị	Ngọc	9	9		9	9		9	10/06/1994	
27	K16 - 475	Nguyễn Thị	Ngọc	8	8		8	10		9	19/08/1994	
28	K16 - 476	Bùi Thị Ánh	Nguyệt	8	8		8	10		9		
29	K16 - 477	Trương Thị	Nguyệt	9	10		10	9		9		
30	K16 - 478	Nguyễn Thị	Nhung	9	10		10	9		9		
31	K16 - 479	Vũ Thị Hồng	Nhung	10	10		10	10		10		
32	K16 - 480	Nguyễn Thị	Phương	9	9		9	9		9	09/01/1994	
33	K16 - 481	Nguyễn Thị	Phương	9	8		9	4		6	03/11/1994	
34	K16 - 482	Lưu Thị Hồng	Phương	9	9		9	0	8	3	8	
35	K16 - 483	Nguyễn Thu	Phương	10	10		10	9		9		
36	K16 - 484	Trần Thị	Phương	8	9		9	0	6	3	7	
37	K16 - 485	Trương Thị	Phượng	10	10		10	10		10		
38	K16 - 486	Vũ Thị Xuân	Quỳnh	9	10		10	10		10		
39	K16 - 487	Đặng Thị	Quỳnh	9	10		10	8		9		

TT	SBD	HỌ VÀ TÊN		ĐIỂM BỘ PHẬN			ĐTHP		ĐHP		GHI CHÚ	
				Đ CC	Đ. KTTX		Đ BP	L1	L2	L1		L2
					A1	A2						
40	K16 - 488	Phạm Thị	Quỳnh	9	10		10	10		10		
41	K16 - 489	Hoàng Thị	Sáng	5	8		7	7		7		
42	K16 - 490	Ôn Thị	Thanh	8	9		9	7		8		
43	K16 - 491	Lê Thị	Thành	8	10		9	7		8		
44	K16 - 492	Nguyễn Thị	Thịnh	9	8		9	9		9		
45	K16 - 493	Trần Thị	Thoa	8	8		8	10		9		
46	K16 - 494	Bùi Thị	Thu	10	10		10	10		10		
47	K16 - 495	Đặng Thị	Thuỳ	9	9		9	8		8		
48	K16 - 496	Trần Thị	Thủy	10	9		10	9		9		
49	K16 - 497	Đỗ Thị Huyền	Trang	10	9		10	6		7		
50	K16 - 498	Nguyễn Thị Kiều	Trang	9	9		9	10		10		
51	K16 - 499	Nguyễn Thị Hà	Trang	9	10		10	4		6		
52	K16 - 500	Đào Thị	Tươi	8	5		7	5		6		
53	K16 - 501	Trần Thị	Vàng	8	10		9	6		7		
54	K16 - 502	Nguyễn Thị	Vân	9	10		10	9		9		
55	K16 - 503	Ngô Thị	Yên	9	10		10	9		9		
56	K16 - 504	Ngô Thị	Thu	RÚT HỒ SƠ								

Ấn định danh sách lớp có: 55 sinh viên đang theo học.

Số sinh viên được dự thi: 55 Số sinh viên không được dự thi: không

Số lỗi sửa chữa ĐBP: không Số lỗi sửa chữa ĐTHP, ĐHP: 1 chẵn

Ngày 1 tháng 2 năm 2013

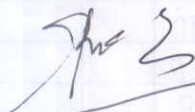
GIÁO VIÊN BỘ MÔN

CB CHẤM THI 1

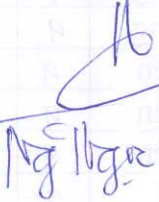
CB CHẤM THI 2

CB KIỂM TRA

TP KHẢO THÍ & KĐCL

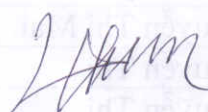

 Nguyễn Thị Văn Thương


 Nguyễn Ngọc Phương


 Nguyễn Ngọc Phương


 Nguyễn Ngọc Phương


 Nguyễn Ngọc Phương


 Nguyễn Ngọc Phương


 Nguyễn Ngọc Phương


 Nguyễn Ngọc Phương


 Nguyễn Ngọc Phương

SỔ ĐIỂM BỘ MÔN

LỚP: K16 - GIÁO DỤC TIỂU HỌC B

KÌ:.....KHÓA HỌC 2012 - 2015

HỌ VÀ TÊN GIẢNG VIÊN: Nguyễn Thị Ngọc Mai

HỌC PHẦN: Những nguyên lý CNM.LN, HÌNH THỨC THI, KIỂM TRA: Viết

TT	SBD	HỌ VÀ TÊN		ĐIỂM BỘ PHẬN				ĐTHP		ĐHP		GHI CHÚ
				Đ CC	Đ. KTTX		Đ BP	L1	L2	L1	L2	
					A1	A2						
1	K16 - 449	Hà Thị	An	8	8		8	5		6		
2	K16 - 450	Đỗ Thị	Đào	8	8		8	4		5		
3	K16 - 451	Lê Thị	Dự	8	7		8	1	5	3	6	
4	K16 - 452	Hạ Thị Thanh	Dung	8	7		8	7		7		
5	K16 - 453	Đỗ Thị Thu	Hà	8	7		8	5		6		
6	K16 - 454	Lưu Văn	Hải	8	7		8	3		5		
7	K16 - 455	Hà Thị Thu	Hằng	8	8		8	3		5		
8	K16 - 456	Nguyễn Thị	Hạnh	8	7		8	4		5		
9	K16 - 457	Nguyễn Thị	Hảo	8	8		8	2	5	4	6	
10	K16 - 458	Nguyễn Thị	Hậu	8	7		8	5		6		
11	K16 - 459	Phan Thị Thu	Hiền	9	8		9	6		7		
12	K16 - 460	Dương Thị Thanh	Hoa	8	7		8	6		7		
13	K16 - 461	Nguyễn Thiều Yên	Hoa	8	8		8	6		7		
14	K16 - 462	Phạm Thị	Huệ	8	7		8	3		5		
15	K16 - 463	Nguyễn Thị	Hương	8	7		8	7		7		
16	K16 - 464	Vũ Thị	Hường	8	7		8	7		7		
17	K16 - 465	Hoàng Thị Ngọc	Huyền	8	8		8	8		8		
18	K16 - 466	Nguyễn Thu	Huyền	8	8		8	3		5		
19	K16 - 467	Phan Thị	Huyền	9	8		9	3		5		
20	K16 - 468	Nguyễn Thị Mai	Liêm	7	8		8	6		7		
21	K16 - 469	Nguyễn Thị	Liên	8	8		8	3		5		
22	K16 - 470	Nguyễn Thị	Loan	7	8		8	5		6		
23	K16 - 471	Nguyễn Thị	Luyến	8	7		8	6		7		
24	K16 - 472	Nguyễn Văn	Nam	8	7		8	6		7		
25	K16 - 473	Nguyễn Thị Thanh	Nga	9	8		9	7		8		
26	K16 - 474	Nguyễn Thị	Ngọc	9	7		8	7		7		10/06/1994
27	K16 - 475	Nguyễn Thị	Ngọc	8	7		8	5		6		19/08/1994
28	K16 - 476	Bùi Thị Ánh	Nguyệt	8	8		8	4		5		
29	K16 - 477	Trương Thị	Nguyệt	8	8		8	4		5		
30	K16 - 478	Nguyễn Thị	Nhung	8	7		8	3		5		
31	K16 - 479	Vũ Thị Hồng	Nhung	8	7		8	6		7		
32	K16 - 480	Nguyễn Thị	Phương	8	8		8	4		5		09/01/1994
33	K16 - 481	Nguyễn Thị	Phương	8	7		8	5		6		03/11/1994
34	K16 - 482	Lưu Thị Hồng	Phương	8	7		8	6		7		
35	K16 - 483	Nguyễn Thu	Phương	8	8		8	0	5	3	6	
36	K16 - 484	Trần Thị	Phương	8	7		8	6		7		
37	K16 - 485	Trương Thị	Phượng	8	8		8	5		6		
38	K16 - 486	Vũ Thị Xuân	Quỳnh	8	8		8	7		7		
39	K16 - 487	Đặng Thị	Quỳnh	8	8		8	7		7		

TT	SBD	HỌ VÀ TÊN		ĐIỂM BỘ PHẬN				ĐTHP		ĐHP		GHI CHÚ
				Đ CC	Đ. KTTX		Đ BP	L1	L2	L1	L2	
					A1	A2						
40	K16 - 488	Phạm Thị	Quỳnh	8	8		8	7		7		
41	K16 - 489	Hoàng Thị	Sáng	9	8		9	6		7		
42	K16 - 490	Ôn Thị	Thanh	8	7		8	8		8		
43	K16 - 491	Lê Thị	Thành	8	8		8	5		6		
44	K16 - 492	Nguyễn Thị	Thịnh	8	8		8	8		8		
45	K16 - 493	Trần Thị	Thoa	8	8		8	7		7		
46	K16 - 494	Bùi Thị	Thu	8	8		8	6		7		
47	K16 - 495	Đặng Thị	Thủy	8	8		8	5		6		
48	K16 - 496	Trần Thị	Thủy	8	8		8	5		6		
49	K16 - 497	Đỗ Thị Huyền	Trang	8	7		8	7		7		
50	K16 - 498	Nguyễn Thị Kiều	Trang	8	8		8	5		6		
51	K16 - 499	Nguyễn Thị Hà	Trang	9	8		9	5		6		
52	K16 - 500	Đào Thị	Tươi	8	7		8	7		7		
53	K16 - 501	Trần Thị	Vàng	8	8		8	5		6		
54	K16 - 502	Nguyễn Thị	Vân	8	8		8	6		7		
55	K16 - 503	Ngô Thị	Yên	8	8		8	5		6		
56	K16 - 504	Ngô Thị	Thu	RÚT HỒ SƠ								

Ấn định danh sách lớp có: 55 sinh viên đang theo học.

Số sinh viên được dự thi: 54 Số sinh viên không được dự thi: 01 : 475

Số lỗi sửa chữa ĐBP: 0 Số lỗi sửa chữa ĐTHP, ĐHP: 0

Ngày 1 tháng 2 năm 2013

GIÁO VIÊN BỘ MÔN

CB CHẤM THI 1

CB CHẤM THI 2

CB KIỂM TRA

TP KHẢO THÍ & KĐCL

Nguyễn Thị Ngọc Mai Lý Thị Phương Ng. T. Ngọc Mai

Lần 2

Ng. T. Kim Chung Ng. T. Ngọc Mai

SỔ ĐIỂM BỘ MÔN

LỚP: K16 - GIÁO DỤC TIỂU HỌC B

KÌ: 1.....KHÓA HỌC 2012 - 2015

HỌ VÀ TÊN GIẢNG VIÊN: Trần Thị Vĩnh HằngHOC PHÂN: Chuyên ToánHÌNH THỨC THI, KIỂM TRA: Vết

TT	SBD	HỌ VÀ TÊN		ĐIỂM BỘ PHẬN			ĐTHP		ĐHP		GHI CHÚ	
				Đ CC	Đ. KTTX		Đ BP	L1	L2	L1		L2
					A1	A2						
1	K16 - 449	Hà Thị	An	8	8		8	4		5		
2	K16 - 450	Đỗ Thị	Đào	9	9		9	7		8		
3	K16 - 451	Lê Thị	Dự	7	8		8	4		5		
4	K16 - 452	Hạ Thị Thanh	Dung	9	9		9	7		8		
5	K16 - 453	Đỗ Thị Thu	Hà	9	9		9	4		6		
6	K16 - 454	Lưu Văn	Hải	9	8		9	3		5		
7	K16 - 455	Hà Thị Thu	Hằng	8	8		8	5		6		
8	K16 - 456	Nguyễn Thị	Hạnh	9	8		9	6		7		
9	K16 - 457	Nguyễn Thị	Hảo	6	8		7	4		5		
10	K16 - 458	Nguyễn Thị	Hậu	9	9		9	4		6		
11	K16 - 459	Phan Thị Thu	Hiền	6	8		7	7		7		
12	K16 - 460	Dương Thị Thanh	Hoa	10	9		10	5		7		
13	K16 - 461	Nguyễn Thiệu Yên	Hoa	6	8		7	7		7		
14	K16 - 462	Phạm Thị	Huệ	9	8		9	3		5		
15	K16 - 463	Nguyễn Thị	Hương	9	8		9	2	7	4	8	
16	K16 - 464	Vũ Thị	Hường	9	8		9	4		6		
17	K16 - 465	Hoàng Thị Ngọc	Huyền	9	8		9	6		7		
18	K16 - 466	Nguyễn Thu	Huyền	9	6		8	4		5		
19	K16 - 467	Phan Thị	Huyền	7	6		7	3	6	4	6	
20	K16 - 468	Nguyễn Thị Mai	Liêm	9	9		9	5		6		
21	K16 - 469	Nguyễn Thị	Liên	9	8		9	3		5		
22	K16 - 470	Nguyễn Thị	Loan	7	7		7	4		5		
23	K16 - 471	Nguyễn Thị	Luyện	9	8		9	5		6		
24	K16 - 472	Nguyễn Văn	Nam	9	8		9	6		7		
25	K16 - 473	Nguyễn Thị Thanh	Nga	6	7		7	5		6		
26	K16 - 474	Nguyễn Thị	Ngọc	9	9		9	5		6	10/06/1994	
27	K16 - 475	Nguyễn Thị	Ngọc	9	8		9	5		6	19/08/1994	
28	K16 - 476	Bùi Thị Ánh	Nguyệt	9	9		9	6		7		
29	K16 - 477	Trương Thị	Nguyệt	9	8		9	7		8		
30	K16 - 478	Nguyễn Thị	Nhung	9	8		9	5		6		
31	K16 - 479	Vũ Thị Hồng	Nhung	9	9		9	7		8		
32	K16 - 480	Nguyễn Thị	Phương	9	9		9	7		8	09/01/1994	
33	K16 - 481	Nguyễn Thị	Phương	9	6		8	3		5	03/11/1994	
34	K16 - 482	Lưu Thị Hồng	Phương	7	7		7	3	7	4	7	
35	K16 - 483	Nguyễn Thu	Phương	9	9		9	6		7		
36	K16 - 484	Trần Thị	Phương	9	8		9	3		5		
37	K16 - 485	Trương Thị	Phượng	6	9		8	3		5		
38	K16 - 486	Vũ Thị Xuân	Quỳnh	6	8		7	6		4		
39	K16 - 487	Đặng Thị	Quỳnh	8	6		7	7		7		

TT	SBD	HỌ VÀ TÊN		ĐIỂM BỘ PHẬN				ĐTHP		ĐHP		GHI CHÚ
				Đ CC	Đ. KTTX		Đ BP	L1	L2	L1	L2	
					A1	A2						
40	K16 - 488	Phạm Thị	Quỳnh	10	8	7	9	7		8		
41	K16 - 489	Hoàng Thị	Sáng	10	8	6	8	1	8	3	8	
42	K16 - 490	Ôn Thị	Thanh	9	8	6	8	4		5		
43	K16 - 491	Lê Thị	Thành	9	8	7	8	4		5		
44	K16 - 492	Nguyễn Thị	Thịnh	10	8	8	9	7		8		
45	K16 - 493	Trần Thị	Thoa	8	7	8	8	9		9		
46	K16 - 494	Bùi Thị	Thu	8	8	8	8	5		6		
47	K16 - 495	Đặng Thị	Thuỳ	10	8	7	8	7		7		
48	K16 - 496	Trần Thị	Thủy	9	8	6	8	5		6		
49	K16 - 497	Đỗ Thị Huyền	Trang	8	8	7	8	3		5		
50	K16 - 498	Nguyễn Thị Kiều	Trang	8	8	7	8	6		7		
51	K16 - 499	Nguyễn Thị Hà	Trang	10	8	8	9	6		7		
52	K16 - 500	Đào Thị	Tươi	10	8	8	9	4		6		
53	K16 - 501	Trần Thị	Vàng	8	8	7	8	7		7		
54	K16 - 502	Nguyễn Thị	Vân	9	8	6	8	4		5		
55	K16 - 503	Ngô Thị	Yến	9	8	7	8	7		7		
56	K16 - 504	Ngô Thị	Thu	RÚT HỒ SƠ								

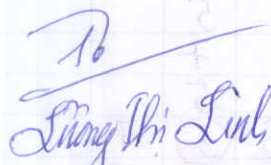
Ấn định danh sách lớp có: 55 sinh viên đang theo học.

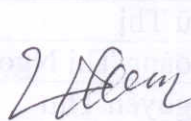
Số sinh viên được dự thi: 55 Số sinh viên không được dự thi: 01 SBD: K16.504

Số lỗi sửa chữa ĐBP: 0 Số lỗi sửa chữa ĐTHP, ĐHP: 0

Ngày 26 tháng 2 năm 2018

GIÁO VIÊN BỘ MÔN CB CHẤM THI 1 CB CHẤM THI 2 CB KIỂM TRA TP KHẢO THÍ & KĐCL



 Dương Thị Linh
 Nguyễn Thanh Thủy
 Ngô T. Thủy
 D.T. Thu
 Kim Anh Tuấn
 L2. dt
 L2 ll


 2 Học sinh